

DAY HỌC TIẾNG TRUNG THEO NGŨ CẢNH NHẪM PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC SỬ DỤNG NGÔN NGỮ CỦA SINH VIÊN KHÔNG CHUYÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

My Thị Quỳnh Lê¹

TÓM TẮT

Việc phát triển năng lực sử dụng tiếng Trung trong giao tiếp thực tế vẫn là thách thức đối với sinh viên không chuyên tiếng Anh do quá trình học tập còn thiên về ghi nhớ kiến thức ngôn ngữ một cách máy móc. Nghiên cứu này đánh giá hiệu quả của dạy học tiếng Trung theo ngữ cảnh đối với 135 sinh viên học học phần Tiếng Trung Quốc 1 tại Trường Đại học Hồng Đức thông qua khảo sát, quan sát và thực nghiệm sư phạm. Các hoạt động học tập được thiết kế theo những ngữ cảnh giao tiếp gần gũi, kết hợp hội thoại tình huống, đóng vai và giao tiếp theo nhiệm vụ. Kết quả cho thấy sinh viên cải thiện khả năng sử dụng ngôn ngữ, phản xạ giao tiếp, sự tự tin và mức độ tham gia học tập. Nghiên cứu khẳng định hiệu quả của dạy học theo ngữ cảnh trong giảng dạy tiếng Trung cho sinh viên không chuyên.

Từ khóa: *Dạy học theo ngữ cảnh, tiếng Trung, năng lực sử dụng ngôn ngữ, sinh viên không chuyên, giao tiếp.*

DOI: <https://doi.org/10.70117/hdujs.3030-4741.07.2026.1436>

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong những năm gần đây, đổi mới giáo dục đại học theo định hướng phát triển năng lực đã làm thay đổi mục tiêu dạy học ngoại ngữ, từ chú trọng tiếp thu kiến thức ngôn ngữ sang phát triển năng lực sử dụng ngôn ngữ trong giao tiếp. Theo Hymes (1972), năng lực giao tiếp không chỉ là sự hiểu biết về các quy tắc ngôn ngữ mà còn là khả năng sử dụng ngôn ngữ phù hợp với từng tình huống giao tiếp [3]. Canale và Swain (1980) cho rằng năng lực giao tiếp được hình thành thông qua quá trình sử dụng ngôn ngữ trong những ngữ cảnh có ý nghĩa [2]. Đồng thời, Johnson (2002) khẳng định việc học đạt hiệu quả cao hơn khi tri thức được tiếp nhận và vận dụng trong những bối cảnh gần với thực tiễn [4].

Trong giảng dạy tiếng Trung, nhiều nghiên cứu đã khẳng định hiệu quả của các hoạt động giao tiếp theo ngữ cảnh đối với việc nâng cao khả năng sử dụng ngôn ngữ của người học [5]. Hồng Nguyệt Bình (2024) cũng cho rằng việc tăng cường các hoạt động giao tiếp giúp người học cải thiện khả năng phản xạ và sự tự tin khi sử dụng tiếng Trung [1]. Những kết quả này cho thấy dạy học theo ngữ cảnh là hướng tiếp cận phù hợp để phát triển năng lực sử dụng ngôn ngữ.

Tại Trường Đại học Hồng Đức, học phần *Tiếng Trung Quốc 1* được giảng dạy cho sinh viên không chuyên tiếng Anh nhằm bước đầu hình thành năng lực giao tiếp bằng tiếng Trung. Tuy nhiên, nhiều sinh viên vẫn có xu hướng học từ vựng và ngữ pháp theo cách ghi nhớ riêng lẻ, gặp khó khăn khi vận dụng vào các tình huống giao tiếp thực tế. Mặc dù các

¹ Khoa Ngoại Ngữ, Trường Đại học Hồng Đức; Email: mythiquynhle@hdu.edu.vn

nghiên cứu trước đây đã khẳng định hiệu quả của dạy học theo ngữ cảnh đối với việc phát triển kỹ năng giao tiếp ngoại ngữ, các nghiên cứu về vận dụng phương pháp này trong học phần *Tiếng Trung Quốc 1* dành cho sinh viên không chuyên tiếng Anh còn hạn chế.

Từ thực tiễn trên, nghiên cứu này vận dụng dạy học theo ngữ cảnh trong học phần *Tiếng Trung Quốc 1* dành cho sinh viên không chuyên tiếng Anh tại Trường Đại học Hồng Đức nhằm đánh giá hiệu quả của phương pháp đối với sự phát triển năng lực sử dụng ngôn ngữ. Kết quả nghiên cứu góp phần bổ sung cơ sở thực tiễn cho đổi mới dạy học theo định hướng phát triển năng lực.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Nghiên cứu được thực hiện nhằm đánh giá hiệu quả của việc vận dụng dạy học tiếng Trung theo ngữ cảnh đối với sự phát triển năng lực sử dụng ngôn ngữ của sinh viên không chuyên Trường Đại học Hồng Đức. Nghiên cứu kết hợp giữa nghiên cứu lý luận và nghiên cứu thực tiễn, trong đó trọng tâm là thực nghiệm sư phạm theo mô hình đánh giá trước, sau thực nghiệm.

Thiết kế nghiên cứu được triển khai theo mô hình một nhóm đánh giá trước và sau thực nghiệm. Theo đó, năng lực sử dụng tiếng Trung của sinh viên được khảo sát và đánh giá trước khi áp dụng dạy học theo ngữ cảnh, sau đó được đánh giá lại sau quá trình thực nghiệm. Kết quả trước và sau thực nghiệm được đối chiếu nhằm xác định sự thay đổi của người học về khả năng sử dụng ngôn ngữ, phản xạ giao tiếp, mức độ tham gia hoạt động và sự tự tin khi sử dụng tiếng Trung.

2.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu gồm 135 sinh viên không chuyên đang học học phần *Tiếng Trung Quốc 1* tại Trường Đại học Hồng Đức. Sinh viên thuộc ba lớp học phần, mỗi lớp gồm 45 sinh viên và đều học tiếng Trung ở trình độ sơ cấp. Các lớp được lựa chọn có thời lượng học tập, nội dung học phần và điều kiện tổ chức dạy học tương đối tương đồng.

Việc lựa chọn đối tượng nghiên cứu xuất phát từ đặc điểm của học phần *Tiếng Trung Quốc 1*. Đây là học phần cơ sở, có vai trò bước đầu hình thành kiến thức ngôn ngữ và năng lực giao tiếp tiếng Trung cho sinh viên không chuyên. Ở giai đoạn này, việc tổ chức các hoạt động học tập gắn với ngữ cảnh giao tiếp thực tế có ý nghĩa quan trọng trong việc giúp sinh viên chuyển từ nhận biết kiến thức ngôn ngữ sang sử dụng ngôn ngữ trong các tình huống cụ thể.

2.2. Phương pháp nghiên cứu lý luận

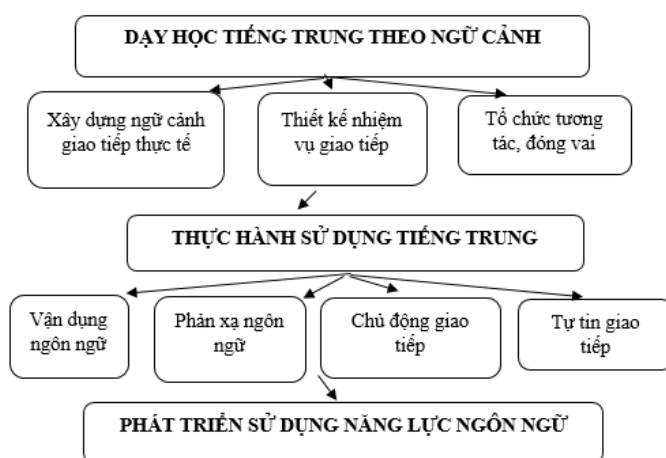
Nghiên cứu sử dụng phương pháp phân tích, tổng hợp và hệ thống hóa tài liệu liên quan đến dạy học theo ngữ cảnh, năng lực giao tiếp và giảng dạy tiếng Trung cho sinh viên không chuyên nhằm xây dựng cơ sở lý luận cho việc thiết kế thực nghiệm và khung đánh giá năng lực sử dụng ngôn ngữ.

Trên cơ sở quan điểm của Hymes (1972) về năng lực giao tiếp [3], Canale và Swain (1980) về các thành tố của năng lực giao tiếp [2], cùng quan điểm của Johnson (2002) về dạy học theo ngữ cảnh [4], nghiên cứu xác định các nguyên tắc tổ chức dạy học tiếng Trung theo ngữ cảnh và xây dựng các tiêu chí đánh giá năng lực sử dụng ngôn ngữ của sinh viên.

Đồng thời, việc tham khảo các công trình nghiên cứu liên quan đến đổi mới phương pháp giảng dạy tiếng Trung theo hướng giao tiếp và phát triển năng lực giúp nghiên cứu xác định hướng triển khai thực nghiệm phù hợp với đối tượng sinh viên không chuyên.

2.3. Mô hình nghiên cứu và khung đánh giá năng lực sử dụng ngôn ngữ

Trên cơ sở lý luận và mục tiêu nghiên cứu, bài viết xây dựng mô hình dạy học tiếng Trung theo ngữ cảnh nhằm phát triển năng lực sử dụng ngôn ngữ của sinh viên không chuyên. Mô hình này được sử dụng làm căn cứ thiết kế hoạt động dạy học, xây dựng công cụ thu thập dữ liệu và phân tích kết quả thực nghiệm.



Hình 1. Mô hình dạy học tiếng Trung theo ngữ cảnh nhằm phát triển năng lực sử dụng ngôn ngữ của sinh viên không chuyên

Theo mô hình trên, dạy học tiếng Trung theo ngữ cảnh được triển khai thông qua việc xây dựng các tình huống giao tiếp gần với thực tiễn, thiết kế nhiệm vụ giao tiếp phù hợp với nội dung bài học và tổ chức hoạt động tương tác trong lớp học. Trong quá trình đó, sinh viên được tạo cơ hội sử dụng tiếng Trung để trao đổi, phản hồi và xử lý tình huống. Việc học ngôn ngữ vì vậy không chỉ dừng lại ở ghi nhớ từ vựng, cấu trúc câu mà hướng tới hình thành khả năng sử dụng tiếng Trung trong các hoàn cảnh giao tiếp cụ thể.

Căn cứ vào mô hình nghiên cứu, nghiên cứu xây dựng khung đánh giá năng lực sử dụng ngôn ngữ của sinh viên như sau:

Bảng 1. Khung đánh giá năng lực sử dụng ngôn ngữ của sinh viên

Thành tố năng lực	Biểu hiện đánh giá	Công cụ đánh giá
Khả năng sử dụng ngôn ngữ	Vận dụng từ vựng và cấu trúc câu phù hợp với tình huống giao tiếp	Pre-test, Post-test; bài thực hành
Khả năng phản xạ ngôn ngữ	Phản hồi, xử lý tình huống giao tiếp bằng tiếng Trung	Quan sát sư phạm; bài thực hành
Mức độ tham gia giao tiếp	Chủ động tham gia hội thoại, làm việc nhóm, đóng vai và thực hiện nhiệm vụ giao tiếp	Quan sát trên lớp
Sự tự tin khi giao tiếp	Sẵn sàng sử dụng tiếng Trung trước giảng viên và bạn học, giảm tâm lý e ngại khi giao tiếp	Phiếu khảo sát; quan sát

Các thành tố trong khung đánh giá được sử dụng kết hợp trong quá trình thu thập và phân tích dữ liệu. Việc đánh giá năng lực sử dụng ngôn ngữ không chỉ căn cứ vào kết quả bài kiểm tra mà còn dựa trên quá trình tham gia giao tiếp, khả năng xử lý tình huống và sự thay đổi về mức độ tự tin của sinh viên trong quá trình học tập.

2.4. Công cụ và phương pháp thu thập dữ liệu

Nghiên cứu sử dụng các công cụ thu thập dữ liệu gồm phiếu khảo sát, bài đánh giá trước và sau thực nghiệm, quan sát sư phạm và sản phẩm học tập của sinh viên. Phiếu khảo sát được thiết kế theo thang Likert 5 mức độ nhằm tìm hiểu thực trạng học tập và sự thay đổi của sinh viên về hứng thú học tập, khả năng sử dụng tiếng Trung, mức độ tham gia giao tiếp và sự tự tin khi giao tiếp. Bài đánh giá trước và sau thực nghiệm được sử dụng để xác định sự thay đổi về năng lực sử dụng tiếng Trung thông qua khả năng vận dụng từ vựng, cấu trúc câu và xử lý tình huống giao tiếp. Quan sát sư phạm và sản phẩm học tập được sử dụng để ghi nhận mức độ tham gia giao tiếp, khả năng phản hồi bằng tiếng Trung và sự thay đổi về mức độ tự tin của sinh viên trong quá trình học tập theo ngữ cảnh.

2.5. Quy trình thực nghiệm

Thực nghiệm được tiến hành trong quá trình giảng dạy học phần *Tiếng Trung Quốc 1*. Trước thực nghiệm, sinh viên được khảo sát và thực hiện bài đánh giá đầu vào nhằm xác định mức độ năng lực sử dụng ngôn ngữ ban đầu. Trên cơ sở nội dung học phần, giảng viên tổ chức các hoạt động dạy học theo ngữ cảnh gắn với những tình huống giao tiếp quen thuộc, tạo cơ hội cho sinh viên vận dụng từ vựng và cấu trúc câu trong giao tiếp thực tế thông qua các hoạt động làm việc theo cặp, làm việc nhóm, đóng vai và xử lý tình huống. Sau thực nghiệm, sinh viên thực hiện bài đánh giá cuối kỳ và hoàn thành phiếu khảo sát. Kết quả trước và sau thực nghiệm được đối chiếu nhằm xác định sự thay đổi về khả năng sử dụng ngôn ngữ, phản xạ giao tiếp, mức độ tham gia hoạt động và sự tự tin khi sử dụng tiếng Trung.

2.6. Phương pháp xử lý dữ liệu

Dữ liệu thu được từ phiếu khảo sát, bài đánh giá trước sau thực nghiệm, quan sát sư phạm và sản phẩm học tập của sinh viên được tổng hợp, mã hóa và xử lý bằng Microsoft Excel. Nghiên cứu sử dụng thống kê mô tả để tính tần suất, tỷ lệ phần trăm và giá trị trung bình của các tiêu chí khảo sát. Kết quả trước và sau thực nghiệm được so sánh nhằm xác định mức độ thay đổi của sinh viên ở các thành tố năng lực đã xác định trong khung đánh giá.

Dữ liệu định tính thu được từ quan sát sư phạm và sản phẩm học tập được phân tích theo các biểu hiện của năng lực sử dụng ngôn ngữ như khả năng vận dụng từ vựng và cấu trúc câu, khả năng phản xạ, mức độ tham gia giao tiếp và sự tự tin khi sử dụng tiếng Trung. Việc kết hợp dữ liệu định lượng và định tính giúp kết quả nghiên cứu có thêm căn cứ đối chiếu, hạn chế việc đánh giá hiệu quả thực nghiệm chỉ dựa trên một nguồn dữ liệu duy nhất.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

3.1. Thực trạng học tiếng Trung của sinh viên không chuyên Trường Đại học Hồng Đức

Trước khi tiến hành thực nghiệm, nghiên cứu khảo sát 135 sinh viên không chuyên đang học học phần *Tiếng Trung Quốc 1* nhằm tìm hiểu thực trạng học tập và khả năng sử

dụng tiếng Trung của người học. Kết quả khảo sát cho thấy phần lớn sinh viên nhận thức được vai trò của tiếng Trung trong học tập, công việc và giao tiếp. Tuy nhiên, việc sử dụng tiếng Trung trong các tình huống giao tiếp thực tế vẫn còn nhiều hạn chế. Phần lớn sinh viên cho biết gặp khó khăn khi vận dụng từ vựng và cấu trúc câu vào giao tiếp, đồng thời còn thiếu tự tin khi sử dụng tiếng Trung trong lớp học.

Kết quả khảo sát được trình bày ở Bảng 2.

Bảng 2. Thực trạng học tiếng Trung của sinh viên không chuyên trước thực nghiệm

Nội dung khảo sát	Số lượng (n = 135)	Tỉ lệ (%)
Gặp khó khăn khi vận dụng tiếng Trung vào giao tiếp thực tế	106	78,5
Thiếu tự tin khi giao tiếp bằng tiếng Trung	98	72,6
Học từ vựng theo hình thức ghi nhớ máy móc	110	81,4
Ít chủ động tham gia hoạt động giao tiếp trên lớp	93	68,9
Mong muốn được học thông qua tình huống thực tế	118	87,4

Kết quả ở bảng 2 cho thấy 81,4% sinh viên có xu hướng học từ vựng theo hình thức ghi nhớ riêng lẻ. Điều này phản ánh phương thức học tập của người học vẫn thiên về ghi nhớ kiến thức ngôn ngữ hơn là vận dụng ngôn ngữ trong giao tiếp. Vì vậy, mặc dù nhiều sinh viên có thể nhớ từ vựng hoặc mẫu câu, nhưng khi phải sử dụng tiếng Trung trong các tình huống cụ thể lại gặp nhiều lúng túng, đặc biệt trong việc lựa chọn từ ngữ và phản hồi bằng tiếng Trung.

Bên cạnh đó, 78,5% sinh viên cho biết gặp khó khăn khi vận dụng tiếng Trung vào giao tiếp thực tế và 72,6% sinh viên còn thiếu tự tin khi giao tiếp bằng tiếng Trung. Hai kết quả này cho thấy khoảng cách giữa việc tiếp thu kiến thức ngôn ngữ và khả năng sử dụng ngôn ngữ của sinh viên vẫn còn khá lớn. Đây cũng là một trong những nguyên nhân làm cho mức độ tham gia các hoạt động giao tiếp trên lớp chưa cao, thể hiện qua tỷ lệ 68,9% sinh viên ít chủ động tham gia hội thoại hoặc trao đổi bằng tiếng Trung.

Đáng chú ý, có tới 87,4% sinh viên mong muốn được học tập thông qua các tình huống giao tiếp thực tế. Kết quả này cho thấy nhu cầu đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng tăng cường trải nghiệm và sử dụng ngôn ngữ của người học là rất rõ ràng. Đây đồng thời là cơ sở để nghiên cứu lựa chọn dạy học theo ngữ cảnh làm hướng tiếp cận trong quá trình thực nghiệm.

3.2. Tổ chức dạy học tiếng Trung theo ngữ cảnh

Xuất phát từ kết quả khảo sát thực trạng, nghiên cứu thiết kế các hoạt động dạy học theo ngữ cảnh nhằm tạo điều kiện để sinh viên sử dụng tiếng Trung trong các tình huống gần gũi với học tập và đời sống. Nội dung ngôn ngữ được đặt trong các nhiệm vụ giao tiếp cụ thể thay vì giới thiệu tách rời. Các hoạt động được tổ chức theo quy trình gồm xây dựng ngữ cảnh, giao nhiệm vụ, tổ chức tương tác và phản hồi sau hoạt động. Các ngữ cảnh được lựa chọn đều gắn với những tình huống mà sinh viên có khả năng gặp trong học tập và cuộc sống như giới thiệu bản thân, làm quen bạn mới, mua sắm, ăn uống, giao tiếp trong lớp học hoặc giao tiếp tại nơi làm việc. Trên cơ sở từng ngữ cảnh, giảng viên thiết kế các nhiệm vụ giao tiếp phù hợp, yêu cầu sinh viên sử dụng từ vựng và cấu trúc câu đã học để giải quyết vấn đề đặt ra thay vì chỉ đọc hoặc ghi nhớ hội thoại mẫu.

Để bảo đảm sự thống nhất trong quá trình thực nghiệm, các hoạt động dạy học được tổ chức theo quy trình gồm bốn bước: xây dựng ngữ cảnh giao tiếp, giao nhiệm vụ, tổ chức tương tác và phản hồi sau hoạt động. Trong mỗi bước, giảng viên đóng vai trò tổ chức và định hướng, còn sinh viên là chủ thể tham gia vào quá trình giao tiếp thông qua các hoạt động làm việc theo cặp, làm việc nhóm, đóng vai và xử lý tình huống. Ví dụ, ở chủ đề “Mua sắm”, sinh viên đóng vai người mua và người bán để thực hành hỏi giá, thương lượng và lựa chọn sản phẩm phù hợp. Thông qua hoạt động này, từ vựng và cấu trúc câu được sử dụng như công cụ để giải quyết nhiệm vụ giao tiếp thay vì chỉ ghi nhớ máy móc. Trong hoạt động này, sinh viên không chỉ luyện tập cách sử dụng các mẫu câu hỏi giá và thương lượng mà còn phải lựa chọn cách diễn đạt phù hợp với mục đích giao tiếp và hoàn cảnh cụ thể. Nhờ đó, từ vựng và cấu trúc câu được sử dụng như một công cụ để giải quyết nhiệm vụ giao tiếp, thay vì chỉ là nội dung cần ghi nhớ.

Trong suốt quá trình thực nghiệm, các hoạt động theo ngữ cảnh được tổ chức thường xuyên với mức độ phức tạp tăng dần theo nội dung học phần. Sinh viên được khuyến khích sử dụng tiếng Trung để trao đổi, phản hồi và xử lý các tình huống giao tiếp phát sinh. Giảng viên chủ yếu quan sát, hỗ trợ và điều chỉnh khi cần thiết nhằm tạo môi trường sử dụng tiếng Trung tương đối tự nhiên trong lớp học. Cách tổ chức này phù hợp với quan điểm của Hymes (1972) và Canale & Swain (1980) về việc hình thành năng lực giao tiếp thông qua quá trình sử dụng ngôn ngữ trong những ngữ cảnh giao tiếp có ý nghĩa.

3.3. Kết quả sau quá trình thực nghiệm

Sau thời gian vận dụng dạy học tiếng Trung theo ngữ cảnh trong học phần *Tiếng Trung Quốc 1*, nghiên cứu tiến hành khảo sát và đánh giá lại mức độ phát triển năng lực sử dụng ngôn ngữ của sinh viên. Kết quả thu được từ phiếu khảo sát, bài đánh giá sau thực nghiệm và quan sát sư phạm cho thấy người học có những chuyển biến tích cực về khả năng sử dụng tiếng Trung, mức độ tham gia hoạt động giao tiếp cũng như sự tự tin khi sử dụng ngôn ngữ.

Kết quả khảo sát sau thực nghiệm được trình bày ở Bảng 3.

Bảng 3. Kết quả khảo sát sau quá trình thực nghiệm

Nội dung đánh giá	Số lượng (n = 135)	Tỉ lệ (%)
Dễ ghi nhớ từ vựng và cấu trúc câu hơn	114	84,4
Tự tin hơn khi giao tiếp bằng tiếng Trung	107	79,3
Khả năng phản xạ ngôn ngữ được cải thiện	111	82,2
Chủ động tham gia hoạt động giao tiếp trên lớp	103	76,0

Kết quả ở bảng 3 cho thấy việc tổ chức dạy học theo ngữ cảnh đã tạo ra những chuyển biến tích cực trong quá trình học tập của sinh viên. Có 84,4% sinh viên cho rằng việc học thông qua các tình huống giao tiếp giúp họ ghi nhớ từ vựng và cấu trúc câu dễ dàng hơn; 82,2% nhận thấy khả năng phản xạ bằng tiếng Trung được cải thiện; 79,3% cảm thấy tự tin hơn khi giao tiếp và 76,0% chủ động tham gia các hoạt động giao tiếp trên lớp. Những kết quả này cho thấy dạy học theo ngữ cảnh không chỉ hỗ trợ việc tiếp thu kiến thức ngôn ngữ mà còn góp phần nâng cao khả năng sử dụng tiếng Trung và sự tự tin của người học. Để đánh giá rõ hơn hiệu quả của phương pháp, nghiên cứu tiếp tục so sánh một số biểu hiện về năng lực sử dụng ngôn ngữ của sinh viên trước và sau thực nghiệm.

Bảng 4. So sánh kết quả trước và sau thực nghiệm

Nội dung đánh giá	Trước thực nghiệm (%)	Sau thực nghiệm (%)
Chủ động tham gia giao tiếp bằng tiếng Trung	35,0	76,0
Tự tin sử dụng tiếng Trung trong lớp học	28,0	71,0
Vận dụng được từ vựng và mẫu câu trong tình huống thực tế	32,0	74,0
Hứng thú với giờ học tiếng Trung	46,0	88,1

Kết quả ở Bảng 4 cho thấy tất cả các tiêu chí đánh giá đều có sự cải thiện sau thực nghiệm. Đáng chú ý, tỷ lệ sinh viên chủ động tham gia giao tiếp bằng tiếng Trung tăng từ 35,0% lên 76,0%, trong khi tỷ lệ sinh viên tự tin sử dụng tiếng Trung trong lớp học tăng từ 28,0% lên 71,0%. Khả năng vận dụng từ vựng và mẫu câu trong các tình huống giao tiếp thực tế cũng tăng từ 32,0% lên 74,0%. Đồng thời, tỷ lệ sinh viên hứng thú với giờ học tiếng Trung đạt 88,1%, cao hơn đáng kể so với trước thực nghiệm.

Những kết quả trên cho thấy việc tổ chức dạy học theo ngữ cảnh không chỉ tác động đến việc ghi nhớ kiến thức ngôn ngữ mà còn góp phần nâng cao khả năng sử dụng tiếng Trung trong giao tiếp. Sự cải thiện đồng thời ở các tiêu chí về khả năng vận dụng ngôn ngữ, phản xạ, mức độ tham gia và sự tự tin cho thấy phương pháp này có tác động tích cực đến quá trình phát triển năng lực sử dụng ngôn ngữ của sinh viên không chuyên.

3.4. Thảo luận

Kết quả nghiên cứu cho thấy dạy học theo ngữ cảnh có tác động tích cực đến sự phát triển năng lực sử dụng tiếng Trung của sinh viên không chuyên. Việc gắn kiến thức ngôn ngữ với các nhiệm vụ giao tiếp cụ thể giúp người học tăng khả năng vận dụng từ vựng, cấu trúc câu, cải thiện phản xạ ngôn ngữ và nâng cao sự tự tin khi giao tiếp. Kết quả nghiên cứu cũng phù hợp với quan điểm của Johnson (2002), theo đó việc học tập đạt hiệu quả cao hơn khi tri thức được đặt trong những bối cảnh gần với thực tiễn. Đồng thời, kết quả thực nghiệm cũng thống nhất với quan điểm của Hymes (1972) và Canale và Swain (1980) khi cho rằng năng lực giao tiếp được hình thành thông qua quá trình sử dụng ngôn ngữ trong những tình huống giao tiếp có ý nghĩa. So với một số nghiên cứu trước đây chủ yếu tập trung vào việc phát triển kỹ năng nói, nghiên cứu này cho thấy việc tổ chức dạy học theo ngữ cảnh không chỉ cải thiện khả năng giao tiếp mà còn góp phần nâng cao mức độ tham gia học tập, sự tự tin và khả năng vận dụng kiến thức ngôn ngữ của sinh viên không chuyên.

Bên cạnh những kết quả đạt được, nghiên cứu vẫn còn một số hạn chế. Thời gian thực nghiệm được tiến hành trong phạm vi một học phần nên chưa phản ánh đầy đủ sự phát triển năng lực sử dụng ngôn ngữ của sinh viên trong thời gian dài. Đối tượng nghiên cứu chỉ giới hạn ở sinh viên không chuyên của Trường Đại học Hồng Đức, vì vậy khả năng khái quát hóa kết quả còn nhất định. Trong các nghiên cứu tiếp theo, có thể mở rộng phạm vi khảo sát đối với nhiều nhóm người học và thời gian thực nghiệm dài hơn để tiếp tục kiểm chứng hiệu quả của dạy học tiếng Trung theo ngữ cảnh trong các bối cảnh đào tạo khác nhau.

4. KẾT LUẬN

Nghiên cứu đã vận dụng dạy học tiếng Trung theo ngữ cảnh trong học phần Tiếng Trung Quốc 1 đối với sinh viên không chuyên Trường Đại học Hồng Đức nhằm phát triển năng lực sử dụng ngôn ngữ của người học. Trên cơ sở kết hợp nghiên cứu lý luận với khảo sát thực trạng và thực nghiệm sư phạm, nghiên cứu đã thiết kế các hoạt động dạy học gắn với những tình huống giao tiếp gần gũi trong học tập và đời sống, tạo cơ hội cho sinh viên sử dụng tiếng Trung để thực hiện các nhiệm vụ giao tiếp thay vì chỉ ghi nhớ từ vựng và cấu trúc câu một cách riêng lẻ.

Kết quả nghiên cứu cho thấy việc vận dụng dạy học theo ngữ cảnh mang lại những chuyển biến tích cực đối với quá trình học tập của sinh viên. Sau thực nghiệm, khả năng vận dụng từ vựng và cấu trúc câu trong giao tiếp, khả năng phản xạ ngôn ngữ, mức độ chủ động tham gia các hoạt động giao tiếp và sự tự tin khi sử dụng tiếng Trung của sinh viên đều được cải thiện. Đồng thời, việc học tập thông qua các tình huống giao tiếp thực tế giúp người học hứng thú hơn với giờ học, tạo điều kiện để kiến thức ngôn ngữ được sử dụng trong những bối cảnh có ý nghĩa, qua đó góp phần phát triển năng lực sử dụng tiếng Trung trong giao tiếp.

Kết quả nghiên cứu không chỉ khẳng định tính khả thi của việc vận dụng dạy học tiếng Trung theo ngữ cảnh đối với sinh viên không chuyên mà còn gợi mở một hướng tổ chức dạy học phù hợp với định hướng phát triển năng lực trong giáo dục đại học hiện nay. Từ những kết quả đạt được, nghiên cứu đề xuất giảng viên tăng cường thiết kế các tình huống giao tiếp gắn với thực tiễn, đa dạng hóa các nhiệm vụ học tập và tạo nhiều cơ hội để sinh viên sử dụng tiếng Trung trong quá trình học. Trong thời gian tới, có thể mở rộng nghiên cứu trên các học phần khác, các trình độ đào tạo khác hoặc với những nhóm đối tượng người học khác nhằm tiếp tục kiểm chứng và hoàn thiện việc vận dụng dạy học theo ngữ cảnh trong giảng dạy tiếng Trung.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Hồng Nguyệt Bình (2024), *Nghiên cứu các phương pháp trong dạy nói tiếng Trung 1 cho sinh viên chuyên ngữ năm nhất tại Trường Đại học Công thương Thành phố Hồ Chí Minh*, Journal of Educational Equipment: Applied Research, 1(326):199-202.
- [2] Canale, M., & Swain, M. (1980), *Theoretical Bases of Communicative Approaches to Second Language Teaching and Testing*, Applied Linguistics, 1(1):1-47.
- [3] Hymes, D. (1972), *On Communicative Competence*, Harmondsworth: Penguin Books.
- [4] Johnson, E. B. (2002), *Contextual Teaching and Learning: What It Is and Why It's Here to Stay*. California: Corwin Press.
- [5] Chu Quang Thảng (2023), *Bàn về năng lực giao tiếp cho sinh viên chuyên ngành tiếng Trung*, Tạp chí Kinh doanh và Công nghệ, số 25, tr.49-57.
- [6] Nguyễn Văn Tư (2019), *Vận dụng phương pháp “dạy học ngôn ngữ theo nhiệm vụ” vào dạy học kỹ năng nói trong tiếng Trung Quốc*, Tạp chí Khoa học Ngôn ngữ và Văn hóa, tập 3, số 3, tr.407-417.

CONTEXT-BASED CHINESE LANGUAGE TEACHING FOR DEVELOPING LANGUAGE USE COMPETENCE AMONG NON-ENGLISH MAJOR STUDENTS AT HONG DUC UNIVERSITY

My Thi Quynh Le

ABSTRACT

Developing Chinese communicative competence remains a challenge for non-English-major students, as language learning often focuses on vocabulary and grammar memorization rather than authentic communication. This study investigates the effectiveness of context-based Chinese language teaching in developing the communicative competence of 135 non-English-major students enrolled in the Elementary Chinese 1 course at Hong Duc University. Using questionnaire surveys, classroom observations, and pedagogical experimentation, the study implemented learning activities based on authentic communicative contexts, including role-playing, situational dialogues, and task-based communication. The results indicate that context-based instruction improved students' ability to use Chinese appropriately, enhanced their communicative responsiveness and confidence, and increased classroom participation. The findings confirm the effectiveness of context-based teaching in fostering Chinese communicative competence among non-English-major students and provide practical implications for Chinese language teaching in higher education.

Keywords: Context-based teaching, Chinese language teaching, language use competence, non-English-major students, communicative competence.

* Ngày nộp bài: 30/05/2026; Ngày gửi phản biện: 12/06/2026; Ngày duyệt đăng: 15/07/2026